

NHẬT BẢN THÁCH THỨC ĐỊA VỊ BÁ QUYỀN CỦA VƯƠNG TRIỀU TRUNG HOA: NHÌN TỪ DIỄN NGÔN QUYỀN LỰC CỦA CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC

Nguyễn Ngọc Anh

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 6 tháng 10 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 21 tháng 11 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2022

Tóm tắt: Bài viết sử dụng diễn ngôn về quyền lực của Chủ nghĩa Hiện thực để lí giải nguyên nhân và sự thành công khi Nhật Bản thách thức địa vị bá quyền của các Vương triều Trung Hoa. Kết quả cho thấy từ thế kỉ thứ 2 trước CN cho đến cuối thế kỉ 19, Vương triều Trung Hoa là bá quyền khu vực Đông-Bắc Á. Tuy vậy, Vương triều Trung Hoa cũng luôn phải đối mặt với những thách thức từ các nước trong khu vực. Từ thế kỉ thứ 3 sau CN, sự thách thức của Nhật Bản đã bắt đầu, từ gián tiếp đến trực tiếp, và sau đó ngày một gia tăng về cường độ và đa dạng về hình thức. Đến cuối thế kỉ 19, Nhật Bản đã thành công trong việc xóa bỏ địa vị bá quyền (hegemony) của Vương triều Trung Hoa trong khu vực. Nguyên nhân Nhật Bản thách thức các Vương triều Trung Hoa là tìm kiếm quyền lực nhằm gia tăng các lợi ích của các cá nhân, nhóm chính trị và quốc gia. Có rất nhiều yếu tố khác nhau giúp Nhật Bản thành công, bài viết đề xuất 4 yếu tố là *điều kiện địa lí, khoa học kỹ thuật, chiến lược và chiến thuật*, và *sự suy yếu của Vương triều Trung Hoa* như là những yếu tố chính yếu giúp Nhật Bản thách thức thành công.

Từ khóa: quan hệ Nhật Bản-Trung Quốc, Vương triều Trung Hoa, thách thức, bá quyền, diễn ngôn quyền lực

Đặt vấn đề

Bước sang thế kỉ 21, Trung Quốc đã có các động thái mạnh mẽ nhằm gia tăng quyền lực của mình. Sun (2015) cho rằng Trung Quốc muốn có một cái kết cho cuộc chơi bắt đầu với một thỏa thuận an ninh do Trung Quốc thống trị ở châu Á trong ngắn hạn và một cấu trúc quyền lực toàn cầu do Trung Quốc lãnh đạo trong dài hạn. Một số học giả khác cũng có những nhận định giống như của Sun. Cơ sở chung cho các nhận định này là quá khứ nghìn năm bá quyền của các Vương triều Trung Hoa. Ở một khía cạnh

khác, giới nghiên cứu quan hệ quốc tế lại rất quan tâm đến các động thái thách thức của Nhật Bản đối với Trung Quốc như viện trợ khí tài cho đối thủ của Trung Quốc tại Đông Nam Á (Mogato, 2016); đưa ra học thuyết “China Threat” (Defence, 2018; Panda, 2014); thông qua dự luật cho phép Lực lượng Phòng vệ tham chiến ở nước ngoài (Koike, 2015); can dự và ủng hộ các quốc gia có tranh chấp với Trung Quốc ở Biển Đông (Lendon, 2018; Kyodo, 2016); tăng cường năng lực quân sự tại những vùng biển có tầm quan trọng đối với Trung Quốc (Gale, 2017; Hirota, 2018). Những động thái này của

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: ngocanh2us@gmail.com

Nhật Bản làm dấy lên câu hỏi: có phải Nhật Bản đang làm giống như trong quá khứ và liệu Nhật Bản có thành công như trong quá khứ. Tương lai vẫn còn ở phía trước nhưng quá khứ là điều đã biết. Với mong muốn cung cấp thêm một góc nhìn, từ cách tiếp cận hệ thống và quyền lực, bài viết sử dụng diễn ngôn về quyền lực của Chủ nghĩa Hiện thực để xem xét thách thức của Nhật Bản đối với các Vương triều Trung Hoa từ khi bắt đầu (thế kỉ thứ 3 sau CN) đến khi thành công (năm 1895) - hành trình Nhật Bản từ quần đảo bị chia cắt bởi nhiều thế lực chính trị, nghèo nàn và lạc hậu, nhưng lại không ngừng thách thức và cuối cùng đã thành công xóa bỏ địa vị bá quyền khu vực của Vương triều Trung Hoa.

Bài viết đặt ra 3 mục tiêu gồm (1) lí giải tại sao Nhật Bản lại thách thức các Vương triều Trung Hoa; (2) chỉ ra theo trình tự thời gian các hành vi thách thức của Nhật Bản đối với các Vương triều Trung Hoa; và (3) lí giải sự thành công của Nhật Bản. Để hoàn thành 3 mục tiêu này, nội dung của bài viết được thiết kế theo cấu trúc như sau:

Đầu tiên, trên cơ sở tham chiếu diễn ngôn về quyền lực của Chủ nghĩa Hiện thực, bài viết sẽ trình bày nguyên nhân tại sao Nhật Bản lại thách thức Vương triều Trung Hoa.

Tiếp theo bài viết sẽ phân tích trật tự khu vực Đông Bắc Á để làm nổi bật cấu trúc quyền lực khu vực, từ đó giúp lí giải địa vị bá quyền của các Vương triều Trung Hoa, địa vị của Nhật Bản cũng như các điều kiện thúc đẩy sự thách thức của Nhật Bản.

Nội dung tiếp theo của bài viết sẽ trình bày sự thách thức của Nhật Bản qua 3 thời kì gồm Vương quyền Yamato, Vương triều Yamato, và Nhà nước quân phiệt Nhật Bản. Trong đó, hai thời kì đầu, sự thách thức chủ yếu được tạo ra một cách gián tiếp.

Phân lí giải sự thành công của Nhật Bản, bài viết đề xuất và phân tích 4 yếu tố quan trọng là *điều kiện địa lí, khoa học công nghệ, chiến lược và chiến thuật*, và *sự suy yếu của các Vương triều Trung Hoa*.

Phần Kết luận, bài viết sẽ tổng kết lại các luận điểm chính, chỉ ra những hạn chế của bài viết, đồng thời đưa ra một số gợi ý mang tính cá nhân về thực tiễn và lí thuyết khi nghiên cứu về quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc.

Cơ sở lí thuyết

Khái niệm quyền lực

Do giới hạn trong diễn ngôn quyền lực của Chủ nghĩa Hiện thực, bài viết sẽ chỉ nói về quyền lực cứng (hard power). Hiện nay có rất nhiều định nghĩa khác nhau về quyền lực (power), trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả sử dụng định nghĩa của Joseph S. Nye về quyền lực vì “được sử dụng nhiều nhất” (Hoàng Khắc Nam, 2011, tr. 43). Nye (2004) định nghĩa quyền lực là khả năng gây ảnh hưởng lên hành vi của người khác để đạt được kết quả mình mong muốn. Các định nghĩa khác thường thiên về phương thức; vì vậy, nó thường không bao trùm được toàn bộ các nhân tố và quá trình cấu thành quyền lực. Định nghĩa của Nye xuất phát từ cách tiếp cận mục tiêu; vì vậy, nó cho phép tính đến tất cả các nhân tố khác nhau và cả quá trình cấu thành nên quyền lực.

Nguồn lực quyền lực

Quyền lực được hình thành bởi những nguồn lực nào? Có rất nhiều nguồn lực có thể sản sinh ra quyền lực chẳng hạn như kinh tế, quân sự, công nghệ, tài nguyên, dân số, vị trí địa lí, chính sách đối ngoại, các chiến lược và chiến thuật sử dụng nguồn lực, thể chế chính trị, văn hóa, giáo dục... Trên thực tế nguồn lực quân sự, kinh tế, hay công nghệ thường được chú ý hơn, trong đó “sức mạnh quân sự là then chốt của quyền lực quốc gia” (Milner, 2009, tr. 3-27). Điều này phần nào giải thích các quốc gia luôn chú trọng phát triển các nguồn lực quân sự, kinh tế và công nghệ. Tuy nhiên, vai trò của các nguồn lực khác không vì thế mà bị bỏ qua, đặc biệt là trong thời đại toàn cầu hóa khi hành vi sử dụng nguồn lực quân sự để gia

tăng quyền lực của các quốc gia đã bị giới hạn bởi các chuẩn mực quốc tế và sự phụ thuộc lẫn nhau. Quốc đảo nhỏ bé Singapore với nguồn lực quân sự rất hạn chế nhưng năm 2021 lại có thứ hạng cao hơn Indonesia trong bảng xếp hạng quyền lực của Viện Lowy; hay các nguồn lực chủ chốt của Hoa Kỳ vượt rất xa so với Campuchia nhưng Hoa Kỳ lại không thể tùy ý sử dụng các nguồn lực để gia tăng quyền lực trong quan hệ với Campuchia.

Vai trò của quyền lực trong quan hệ quốc tế

Từ bản chất ích kỷ và tình trạng vô chính phủ

Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển cho rằng bản chất của con người là ích kỷ và ham muốn quyền lực. Trên cơ sở đó, Morgenthau (1949) kết luận rằng xu hướng theo đuổi quyền lực là nguyên tắc có thể tìm thấy trong mọi kết cấu tổ chức giữa người với người: từ nhà thờ cho tới các hội đoàn. Nơi nào có các nhóm liên kết giữa các cá nhân thì nơi đó xuất hiện các cuộc chiến giành quyền lực. Hệ quả là các quốc gia theo đuổi quyền lực và chiến tranh xảy ra giữa các quốc gia bắt nguồn từ bản chất ích kỷ, ham muốn quyền lực của con người, đặc biệt là cá nhân các nhà lãnh đạo.

Khác với Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển, Chủ nghĩa Hiện thực cấu trúc cho rằng sự phân bổ quyền lực trong hệ thống vô chính phủ đã định sẵn các lợi ích cho các quốc gia bất kể cũ hay mới thành lập, đó là tồn tại, an ninh và địa vị. Tình trạng vô chính phủ đã khiến các quốc gia phải tự lo cho bản thân mình, từ đó hình thành nên môi trường tự cứu (selfhelp). Các quốc gia theo đuổi quyền lực chính là để đạt được các lợi ích này.

Chúng ta không khó để nhận ra rằng tồn tại, an ninh và địa vị mà các nhà Hiện thực đưa ra là các lợi ích ngoại sinh (exogenous interests), nghĩa là nó phát sinh từ nhân tố bên ngoài. Nói một cách cụ thể hơn, tồn tại và an ninh của một quốc gia xuất phát từ các mối đe dọa bên ngoài hay địa vị

của một quốc gia xuất phát từ sự công nhận của các quốc gia khác. Vậy làm thế nào để các quốc gia khác không đe dọa và công nhận địa vị như mình muốn? Câu trả lời của các nhà Hiện thực là cần có quyền lực vì quyền lực là “khả năng gây ảnh hưởng lên hành vi của người khác để đạt được kết quả mình mong muốn”.

Đến cuộc đua bất tận tìm kiếm quyền

Càng có nhiều quyền lực thì an ninh và sự tồn tại càng được đảm bảo và địa vị càng được nâng cao. Xuất phát từ quan điểm về bản chất ích kỷ và ham muốn quyền lực của con người, Morgenthau (1949) cho rằng trong hệ thống quốc tế, tất cả các quốc gia tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh giành quyền lực thực sự không phải hướng tới sự cân bằng, tức là bình đẳng về quyền lực, mà là về sự vượt trội của quyền lực trong hành vi của chính họ. Tuy nhiên các nhà Hiện thực cấu trúc lại cho rằng trong môi trường vô chính phủ thì sự phân bổ quyền lực hay cán cân quyền lực giữa các quốc gia là nguyên nhân gây ra mối đe dọa hay quyết định địa vị của một quốc gia. Càng có nhiều quyền lực thì càng an toàn và địa vị càng cao. Dù vậy cũng giống như Morgenthau, Mearsheimer (2013) gợi ý rằng “nó là một ý nghĩa chiến lược tốt cho các quốc gia giành được càng nhiều quyền lực càng tốt, và nếu điều kiện cho phép hãy theo đuổi bá quyền” (tr. 78). Qua đó, chúng ta có thể thấy, loài người luôn luôn tham gia vào một cuộc đua tìm kiếm quyền lực bất tận diễn ra ở mọi nơi và mọi cấp độ.

Nguyên nhân thách thức của Nhật Bản

Bài viết cho rằng một nguyên nhân rất quan trọng khiến Nhật Bản không ngừng thách thức địa vị bá quyền của các Vương triều Trung Hoa là gia tăng quyền lực để đạt được các lợi ích của mình. Nhìn từ cấp độ hệ thống, sự thách thức của Nhật Bản là do hành vi tìm kiếm quyền lực của nhà nước Nhật Bản. Tuy nhiên, “nền chính trị một quốc gia diễn ra giữa các nhóm chính trị” (Wohlforth, 2008, tr. 131-149), và nhóm lại do các cá

nhân hợp thành, trong đó một hoặc một số cá nhân lãnh đạo có quyền quyết định. Các nhóm chính trị hay cá nhân lãnh đạo cũng có lợi ích của mình và cũng cần quyền lực để đạt được và gia tăng các lợi ích đó. Hành vi tìm kiếm quyền lực của các nhóm và cá nhân này sẽ tác động đến chính sách đối ngoại quốc gia. Vì vậy, nhìn từ cấp độ quốc gia, sự thách thức của Nhật Bản có nguyên nhân là hành vi theo đuổi quyền lực của nhóm chính trị, và nhìn từ cấp độ cá nhân thì là do hành vi tìm kiếm quyền lực của các cá nhân lãnh đạo.

Để hiểu được sự hình thành lợi ích và phương thức thách thức của Nhật Bản, trước tiên chúng ta phải tìm hiểu trật tự khu vực Đông-Bắc Á thời cổ đại, tức Thiên hạ của các Hoàng đế Trung Hoa.

Thiên hạ của Hoàng đế Trung Hoa

Năm 1046 trước CN, nhà Chu (1046-256 trước CN) được thành lập tại vùng đồng bằng Hoa Bắc Trung Quốc, “một biện pháp quan trọng để củng cố chính quyền nhà Chu thời kì đầu là thực hiện phân phong Chư hầu. Thiên tử nhà Chu phân đất cho anh em con cháu, họ hàng, thân thích khác họ, nguyên lão công thần và các thủ lĩnh thuộc của các bộ tộc khác đã quy hàng... mở ra lịch sử phân phong Chư hầu của Trung Quốc” (Huang, 1998, tr. 37-8). Một trật tự do nhà Chu thống trị được hình thành, gọi là Thiên hạ, và Vương triều nhà Chu nằm ở trung tâm. Trong Thiên hạ, Hoàng đế nhà Chu là người thống trị duy nhất, gọi là Thiên tử, có quyền ra lệnh, phong chức tước, ban thưởng và chế tài các Chư hầu. Người được phân đất phong chức để xây dựng Vương quốc riêng gọi là Chư hầu. Nước của Chư hầu được bố trí xung quanh Vương triều nhà Chu, từ đó hình thành hàng rào bảo vệ an ninh cho nhà Chu. Chư hầu có nghĩa vụ quan trọng nhất là bảo vệ an ninh cho Thiên tử, và sau đó là phục tùng quyền lực của Thiên tử bằng các hình thức như triều kiến và triều cống, chấp hành các mệnh lệnh và tiếp nhận sắc phong từ Thiên tử. Các quy tắc này không ngoài mục

đích ngăn chặn sự hình thành của vô chính phủ, từ đó đảm bảo các lợi ích của Thiên tử nhà Chu. Năm 221 trước CN, nhà Tần thay thế nhà Chu. Nhưng chỉ sau 15 năm, nhà Tần sụp đổ dẫn đến Thiên hạ bị phá vỡ. Năm 206 trước CN, nhà Hán được thành lập và nhanh chóng trở nên hùng mạnh. Năm 108 trước CN, Hán Vũ Đế dùng vũ lực tiêu diệt Gojoseon - Vương quốc có lãnh thổ là vùng Đông-Bắc Trung Quốc và phía Bắc bán đảo Triều Tiên ngày nay. Do “sự trỗi dậy của đế chế Tần-Hán trên lục địa Đông Á đã gây ra một phản ứng dây chuyền đến cả Nhật Bản xa xôi” (Holcombe, 2001, tr. 184) nên “từ khi Vũ Đế tiêu diệt Gojoseon, có khoảng 30 quốc gia người Wa phái sứ thần và phiên dịch đến triều cống nhà Hán” (Xu, 2004b, tr. 1706). Người Wa là tên gọi của cư dân sinh sống trên quần đảo Nhật Bản. Thiên hạ do đó được mở rộng đến quần đảo Nhật Bản và tồn tại cho đến cuối thế kỉ 19 khi địa vị bá quyền của Vương triều Trung Hoa cuối cùng bị xóa bỏ. Để có được sự phục tùng và trung thành từ các Chư hầu, nhà Hán tăng cường giao lưu và đẩy mạnh truyền bá văn hóa. Văn hóa Hán trước tiên du nhập vào bán đảo Triều Tiên, sau đó “Triều Tiên là cây cầu mà nền văn minh đi qua từ Trung Quốc đến quần đảo Nhật Bản” (White, 1895, tr. 332). “Trung Quốc với tư cách là bá chủ - và triết lí chính của nó, Nho giáo - đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phần còn lại của nền chính trị trong nước và quốc tế Đông Á” (Kang, 2010, tr. 25). Một trong những điểm đáng chú ý của Nho giáo thời Hán Vũ Đế và luôn được áp dụng trong Thiên hạ từ đó về sau là tư tưởng phân bổ quyền lực trong Thiên hạ. Nhìn từ góc độ quan hệ quốc tế hiện đại, Thiên tử Trung Hoa, đại diện cho Vương triều Trung Hoa, được phân bổ quyền lực để trở thành bá quyền. Hệ quả là, vì lợi ích của mình, các Chư hầu thường miễn cưỡng chấp hành, đặc biệt là khi các Vương triều Trung Hoa hùng mạnh. Nhưng khi có điều kiện, đặc biệt là khi Vương triều Trung Hoa suy yếu, tạo nên khoảng trống quyền lực trong khu vực, thì các Chư hầu thường tìm cách thách

thức và li khai. Trong khu vực Đông-Bắc Á, do tiếp giáp trên đất liền nên bán đảo Triều Tiên, đặc biệt là nửa Bắc của bán đảo, luôn được xem là hàng rào bảo vệ an ninh của Thiên tử Trung Hoa. Vì vậy, các Vương triều Trung Hoa luôn tìm mọi cách để chi phối. Trong khi đó, các Vương triều Trung Hoa xem quần đảo Nhật Bản là xa xôi và man rợ, do đó cần duy trì quan hệ hòa bình, thậm chí nhượng bộ để duy trì trật tự khu vực. Hiện tại tác giả chưa tìm thấy tư liệu chứng minh các Vương triều Trung Hoa, ngoại trừ nhà Nguyên, có ý định và hành vi chi phối Nhật Bản. Thậm chí ngay cả nhà Nguyên từng 2 lần dùng vũ lực nhưng cũng không thể chi phối được Nhật Bản. Nhật Bản đã sớm nhận thức được điều này nên thường chủ động gây hấn để đạt được lợi ích của mình. Sau khi gây hấn, Nhật Bản thường sử dụng chiến thuật triều cống để xoa dịu quan hệ với Vương triều Trung Hoa. Vì lí do an ninh, các Vương triều Trung Hoa thường bỏ qua, thậm chí đáp ứng các yêu sách về lợi ích của Nhật Bản, điển hình là nhà Đường và nhà Minh. Đây có thể được xem là một môi trường thuận lợi khiến cho Nhật Bản ngày càng tham vọng và quyết liệt hơn trong việc thách thức các Vương triều Trung Hoa. Trong phần tiếp theo, bài viết sẽ phân tích sự thách thức của Nhật Bản theo 3 thời kì phát triển.

Sự thách thức của Vương quyền Yamato

Do điều kiện địa hình nhiều núi cao và sông hồ ngăn cách nên thời điểm đó quần đảo Nhật Bản “chia thành hơn 100 quốc gia” (Xu, 2004a, tr. 750). “Quốc gia” thực chất là các lãnh địa cát cứ của các gia tộc. Trong môi trường vô chính phủ, chiến tranh chinh phục và thôn tính là giải pháp được các “quốc gia” trên quần đảo Nhật Bản lựa chọn để xây dựng một trật tự theo mô hình Thiên tử-Chư hầu kiểu Trung Hoa, từ đó giúp cho mình an toàn và có địa vị cao hơn. “Từ thời tổ tiên ngày xưa, thân mang chiến giáp, lợi suôi trèo đèo, không phút yên nghỉ, đánh dẹp 55 nước phía Đông, chinh phục 66 nước phía Tây, vượt biển bình định 95 nước ở Biên

Bắc” (Xu, 2004d, tr. 2036). Khoảng đầu thế kỉ thứ 2 sau CN, thế lực Yamato đã xây dựng được một liên minh chính trị theo mô hình Thiên tử-Chư hầu gồm 30 “quốc gia” (Brown, 1993, tr. 108). Yamato giữ vai trò bá quyền và đại diện cho liên minh chính trị để thiết lập quan hệ triều cống chính thức với nhà Hán Trung Quốc. Tuy nhiên, sử dụng vũ lực để tranh giành quyền lực trong liên minh này lại tái diễn (Xu, 2004c, tr. 547-549). Trong cuộc tranh giành quyền lực, “những người sở hữu vũ khí kim loại - công cụ giúp gia tăng năng lực cho các chiến binh - đã nâng cao được địa vị của mình” (Henshall, 2004, tr. 13). Yamato không chỉ cần kim loại mà còn cần cả kỹ thuật để gia tăng quyền lực nhằm chinh phục và trấn áp các thế lực khác. Trong khi Yamato thiếu những thứ này thì trên bán đảo Triều Tiên, “đất nước (Byeohan) sản xuất ra sắt, Han, Yemack, Wa đều có được sắt từ đây” (Xu, 2004c, tr. 544), và Silla là “một vùng đất của kho báu... trong vùng đất đó có vàng bạc và những màu sắc tươi sáng. Nó được gọi là Vùng đất của những tờ giấy màu và dâu tằm” (Aston, 1896, tr. 221). Cơ hội giúp Yamato có được những thứ này đã xuất hiện. Từ đầu thế kỉ thứ 1 trước CN, nhà Hán ngày càng suy yếu và cuối cùng bị phân chia thành 3 nước đối địch nhau, gọi là thời kì Tam quốc (220-280 sau CN). Sự tan rã của nhà Hán khiến cho quyền lực của Vương triều Trung Hoa trên bán đảo Triều Tiên bị suy giảm, từ đó đã tạo ra khoảng trống quyền lực trong khu vực. Cùng thời kì đó, bán đảo Triều Tiên cũng bị chia cắt thành 3 nước (Goguryeo, Silla, Baekje) và đang cạnh tranh lẫn nhau. Với kinh nghiệm chinh phục và thôn tính, bá quyền Yamato tự tin có thể khuất phục được 3 quốc gia trên bán đảo Triều Tiên. Năm 200 sau CN, Hoàng hậu nhiếp chính Jingū (神功皇后) dùng vũ lực chinh phục Silla và đến năm 201 đã thành công (Murray, 1894, tr. 227-232). Sau đó hai quốc gia còn lại là Goguryeo và Baekje cũng bị khuất phục, và từ đó 3 quốc gia này đã trở thành Chư hầu của Yamato (Aston, 1896, tr. 231-232). Từ

đó về sau các Thiên hoàng Yamato như Hanzei, Ingyō và Yūryaku đều trước tiên tự xưng là Đại tướng quân có quyền cai quản cả bán đảo Triều Tiên, sau đó đến xin Hoàng đế Trung Hoa sắc phong (Xu, 2004d). Cho đến nay vẫn chưa có ghi chép nào về phản ứng của Vương triều Trung Hoa thời điểm đó mà chỉ ghi chép việc các Hoàng đế Trung Hoa đồng ý sắc phong. Có thể đây là cách để Yamato “hợp pháp hóa” quyền lực nhưng vẫn thể hiện sự tôn trọng đối với địa vị bá quyền của Vương triều Trung Hoa và tránh làm cho Vương triều Trung Hoa cảm thấy bị đe dọa hoặc cảm thấy trật tự khu vực đã bị phá vỡ. Sau khi khuất phục thành công bán đảo Triều Tiên, “Yamato được hưởng lợi không chỉ từ sự du nhập của văn tự và Phật giáo mà còn từ việc tiếp cận các nguồn quặng sắt có giá trị” (Henshall, 2004, tr. 18). Chính sắt và khoa học kỹ thuật đã giúp Yamato lớn mạnh. Với hành vi bỏ qua qui tắc do Vương triều Trung Hoa đặt ra để tấn công và không chế bán đảo Triều Tiên, Vương quyền Yamato đã tạo ra sự thách thức nhất định đối với Vương triều Trung Hoa.

Sự thách thức của Vương triều Yamato

Năm 578, gia tộc Soga giành quyền kiểm soát Yamato. Thái tử Shotoku thuộc dòng họ Soga là người “kiểm soát trên thực tế chính quyền trung ương” (Aston, 1896, tr. 122). Shotoku tiến hành các cải cách chính trị theo mô hình nhà của nhà Tùy Trung Hoa và kết quả là một chế độ hành chính được thiết lập. Cải cách đã giúp Yamato phát triển mạnh mẽ và hình thành Vương triều đầu tiên trên quần đảo Nhật Bản với hơn 10 Chư hầu, “Silla và Baekje đều cho rằng nước Wa là nước lớn, nhiều báu vật lạ, rất ngưỡng mộ nước Wa nên thường qua lại.” (Xu, 2004e, tr. 1654). Có thể thấy, Vương triều Yamato trên thực tế cũng là Thiên tử trong một Thiên hạ. Tại thời điểm đó, nhà Tùy sau khi thống nhất Trung Quốc đang nỗ lực thiết lập lại trật tự khu vực và khôi phục lại quyền lực của Thiên tử bằng vũ lực, tuy nhiên đã vấp phải sự kháng cự

quyết liệt của Goguryeo, Baekje, và Đột Quyết (dân tộc du mục ở phía Bắc Trung Quốc). Trong bối cảnh đó, sự phát triển lớn mạnh đã thôi thúc Shotoku tìm kiếm quyền lực lớn hơn cho Vương triều Yamato do mình chi phối. Năm 607, Thiên hoàng Nhật Bản sai sứ thần mang thư đến triều kiến Hoàng đế Trung Hoa là Tùy Dạng Đế (604-618). Trong thư, Thiên hoàng Nhật Bản xưng hô ngang hàng với Hoàng đế Trung Hoa, “Thiên tử xứ mặt trời mọc viết thư cho Thiên tử xứ mặt trời lặn, ngài có khỏe không!” (Xu, 2004e, tr. 654). Hành vi phá vỡ qui tắc này của Yamato khiến Hoàng đế nhà Tùy dù rất tức giận nhưng lại không có hành động gì. Đây là lần đầu tiên một Vương triều Trung Hoa hùng mạnh và thống nhất bị Yamato công khai thách thức. Sự bất lực của nhà Tùy đã làm thay đổi nhận thức của Yamato về lợi ích của mình trong khu vực.

Năm 618, nhà Đường sau khi thay thế nhà Tùy đã không ngừng phát triển lớn mạnh. Năm 645, nhà Đường bắt đầu dùng vũ lực để gia tăng quyền lực trên bán đảo Triều Tiên nhằm khôi phục lại trật tự khu vực đã bị phá vỡ cuối nhà Tùy. Cũng năm đó, Yamato bắt đầu tiến hành cải cách chính trị, gọi là Taika (645-655), để tập trung quyền lực vào triều đình trung ương (Henshall, 2004, tr. 19). Kết quả là nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên trên quần đảo Nhật Bản ra đời (Asakawa, 1963, tr. 257-272). Yamato hiện thực hóa quyền lực của Thiên tử bằng cách đổi tên thành “Nhật Bản” và “đến châu, hầu hết là kiêu căng tự đại” (Xu, 2004f, tr. 4594). Với sức mạnh vượt trội về kinh tế và quân sự, nhà Đường đã điều quân đội đến liên minh với Silla, một trong ba vương quốc trên bán đảo Triều Tiên, và thôn tính hai vương quốc còn lại trên bán đảo này là Baekje vào năm 660 và Goguryeo vào năm 668. Sau đó nhà Đường có ý đồ không chế cả bán đảo Triều Tiên. Động thái của nhà Đường đã làm suy yếu quyền lực của Vương triều Yamato dẫn đến thay đổi cán cân quyền lực trong khu vực. Cơ hội cho Vương triều Yamato khôi phục quyền lực đã đến khi lực

lượng phục quốc Baekje đến cầu viện. Khi đó, Naka no Ōe, Thái tử nhiếp chính của Vương triều Yamato, cũng muốn thể hiện vai trò của “Thiên tử xứ mặt trời mọc” đối với Chư hầu Baekje trước Thiên hạ và gia tăng quyền lực cho mình để chuẩn bị cho việc kế vị ngôi vị Thiên hoàng sắp tới. Năm 663, Naka no Ōe đã cử quân đội đến bán đảo Triều Tiên trực tiếp chiến đấu với quân Đường, tuy nhiên đã bị đánh bại, phải đầu hàng và rút về nước (Weems, 1905, tr. 110). Sau khi đánh bại quân đội Yamato và khống chế toàn bộ bán đảo Triều Tiên, cũng giống như nhà Hán và Tùy, dù bị thách thức nhưng nhà Đường cũng đã không có động thái nào đối với Nhật Bản.

Thách thức của Vương triều Yamato tuy đã có phần trực tiếp hơn Vương quyền Yamato nhưng chưa thực sự rõ nét và do hạn chế về năng lực nên chưa gây ra những tổn thất đáng kể cho quyền lực của Vương triều Trung Hoa.

Sự thách thức của Chính phủ quân phiệt Nhật Bản

Từ thế kỉ thứ 10 đến thế kỉ thứ 12, trật tự khu vực ít có biến động nguyên nhân là do các chủ thể bị chi phối bởi các biến động lớn trong nước. Năm 907, sự sụp đổ của nhà Đường khiến Trung Quốc bị chia cắt Nam-Bắc kéo dài từ năm 907 đến năm 960. Năm 960, nhà Tống thống nhất Trung Quốc, tuy nhiên sau đó do phải đối mặt với nguy cơ đe dọa từ phía Bắc và phía Tây nên quyền lực của nhà Tống bị suy giảm mạnh. Trong khi đó, trên bán đảo Triều Tiên, Silla cũng suy yếu dẫn đến chia cắt. Nhân cơ hội đó, năm 918, Wang Geon thành lập Vương quốc Cao Ly (Goryeo), và đến năm 936 thống nhất bán đảo Triều Tiên. Về phía Nhật Bản, từ thế kỉ thứ 10, tranh giành quyền lực giữa các gia tộc diễn ra quyết liệt. Trong chiến tranh, tầng lớp võ sĩ được trọng dụng và đã phát huy được vai trò của mình. Tầng lớp này ngày càng lớn mạnh và đã thành lập một chính phủ quân phiệt thống trị Nhật Bản, gọi

là Mạc Phủ (Bakufu), vào cuối thế kỉ 12. Từ đó, Nhật Bản “đã bị cai trị bởi một tầng lớp chiến binh dưới sự thống trị của nhà độc tài quân sự hoặc Shogun, một quá trình dường như không đảm bảo hòa bình và yên tĩnh mà là sự tiếp diễn của nội chiến” (Turbull, 2002, tr. 22). Cục diện khu vực Đông-Bắc Á chỉ có sự thay đổi lớn khi Đế quốc Mông Cổ bành trướng lãnh thổ xuống phía Nam. Đầu tiên, Đế quốc Mông Cổ dùng vũ lực buộc Cao Ly phải thần phục vào năm 1217 (Seth, 2011, tr. 111), sau đó chiếm lĩnh miền Bắc của Trung Quốc vào năm 1234, năm 1271 đổi tên thành Nguyên, định đô ở Bắc Kinh, và chiếm cả Trung Quốc vào năm 1279. Năm 1266, Hoàng đế Mông Cổ là Hốt Tất Liệt (1260-1294) viết thư đe dọa và yêu cầu Nhật Bản thần phục.

Nhật Bản tiếp giáp Goguryeo, từ khi thành lập nước đến nay đều phái sứ thần đến Trung Quốc, nhưng kể từ khi Trẫm lên ngôi, (Nhật Bản) chưa cử sứ thần đến để kết thân... Thánh nhân coi bốn biển là nhà, nếu không cử sứ thần đến kết thân, sao có thể gọi là cùng một nhà được! Hay là phải dùng biện pháp quân sự, cái nào thích hơn? (Xu, 2004g, tr. 3747-8)

Tuy lúc đó Đế quốc Mông Cổ đã là bá quyền cả khu vực rộng lớn từ Âu sang Á, nhưng Mạc Phủ lại cho rằng người Mông Cổ thấp kém nên không xứng đáng là bá quyền (Xu, 2004g, tr. 6726). Năm 1268, 1269, Hoàng đế Mông Cổ tiếp tục đe dọa và thúc giục nhưng Nhật Bản đều không tuân theo. Năm 1274, quân Nguyên tấn công Nhật Bản nhưng thất bại. Năm 1275, nhà Nguyên phái sứ đoàn đến úy lạo Nhật Bản nhưng bị Nhật Bản cự tuyệt. Năm 1280, nhà Nguyên tiếp tục phái sứ đoàn đến đe dọa Nhật Bản. Với niềm tin các chiến binh Samurai của mình có đủ sức mạnh để đánh bại bất kì kẻ xâm lược nào, để gia tăng quyền lực nhằm áp chế Hoàng gia và các thế lực địa phương, Mạc Phủ đã quyết định thách chiến với quân đội Mông Cổ, “tất cả thông báo mà Bakufu đưa ra là gửi lệnh khẩn cấp tới Hakata ra lệnh xử

từ ngay lập tức các thành viên của sứ đoàn.” (Murdoch, 1949, tr. 518). Năm 1281 quân Nguyên lần thứ 2 tấn công Nhật Bản nhưng lại bị thất bại. Dù phải chịu tổn thất, nhưng thắng lợi trước quân Nguyên đã giúp cho Mạc Phủ “nắm giữ quyền lực trên toàn quốc và tạo ra tình trạng khẩn cấp quốc gia để đè bẹp mọi bất đồng nội bộ trong khoảng ba mươi năm” (Henshall, 2004, tr. 36). Năm 1368, Chu Nguyên Chương lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đánh đuổi thành công người Mông Cổ và lập ra nhà Minh trên đại lục Trung Hoa, từ đó khôi phục lại quyền lực cho người Hán. Thế kỉ 14, cạnh tranh quyền lực trên quần đảo Nhật Bản giữa Mạc Phủ và Hoàng gia lên đến đỉnh điểm khiến quần đảo bị chia cắt Nam-Bắc, gọi là thời kì Nanbokuchō-jidai (1336-1392). Thời kì này trên quần đảo Nhật Bản tồn tại 3 thế lực chính gồm (1) thế lực phía Nam (do Thiên hoàng Go-daigo cai trị); (2) thế lực phía Bắc (do Mạc Phủ Ashikaga nắm quyền); và (3) thế lực Kyūshū (đảo Kyūshū phía Tây Nam Nhật Bản, tiếp giáp với vùng biển của Trung Quốc, do Hoàng tử Kaneyoshi cai trị). Tranh giành quyền lực giữa 3 thế lực đã khiến Nhật Bản bị mất kiểm soát, một số người Nhật đã tiến hành các vụ tấn công cướp bóc cả trên biển và trên đất liền của Trung Quốc (Xu, 2004h, tr. 6725-6). Trước tình trạng này, tháng 3 năm 1369, Hoàng đế nhà Minh Trung Quốc phái sứ thần đến Kyūshū đe dọa và yêu cầu Hoàng tử Kaneyoshi (1329-1383), đang cát cứ tại Kyūshū và được nhà Minh thừa nhận là Quốc vương Nhật Bản, truy bắt cướp biển, nếu không sẽ cho quân đội thảo phạt. Tuy nhiên “Quốc vương Nhật Bản Kaneyoshi không chấp hành” (Xu, 2004h, tr. 6725). Do nạn cướp bóc gia tăng, năm 1381 Hoàng đế nhà Minh tiếp tục đe dọa thảo phạt Kaneyoshi. Kaneyoshi đã viết thư trả lời, trong thư ngoài phủ định địa vị bá quyền của Hoàng đế nhà Minh còn thách chiến.

Cần khôn mênh mang, đâu có lí chỉ một ông vua độc chiếm quyền lực, vũ trụ bao la, phân chia nhiều nước để cùng cai quản. Thiên hạ là thiên hạ

của người thiên hạ chứ đâu phải chỉ của một người... Tôi nghe nói nước ngài có ý định chinh phạt Nhật Bản, nước chúng tôi cũng đã lên kế hoạch chống giặc. (Xu, 2004h, tr. 6727)

Dù bị thách thức nhưng nhà Minh “rút kinh nghiệm từ nhà Nguyên nên đã không xuất quân”, và thậm chí sau đó còn “viết ‘Tô huấn’ liệt kê các nước không được chinh phạt trong đó có Nhật Bản” (Xu, 2004h, tr. 6728). Năm 1392, Mạc Phủ Ashikaga thống nhất Nhật Bản. Tuy nhiên, nửa cuối thế kỉ 15, cạnh tranh quyền lực giữa Mạc Phủ và các thế lực địa phương đã diễn ra, gọi là thời kì Sengoku-jidai. Đến giữa thế kỉ 16, thế lực địa phương do Oda Nobunaga đứng đầu liên tiếp giành thắng lợi trước các thế lực khác và đang thẳng tiến đến địa vị thống trị một Nhật Bản thống nhất. Cùng thời điểm đó, nhà Minh ngày càng suy yếu dẫn đến khoảng trống quyền lực trong khu vực. Vì vậy Nobunaga “đã thể hiện tham vọng chinh phục Trung Hoa” (Turbull, 2002, tr. 30). Đây là sự kiện khởi đầu cho tham vọng bá quyền khu vực của chính phủ quân phiệt Nhật Bản. Tuy nhiên tham vọng chưa thành thì Nobunaga bị giết. Sau khi kế thừa Nobunaga, Toyotomi Hideyoshi đã thôn tóm mọi quyền hành và tiến hành khuất phục các thế lực còn lại, đưa Nhật Bản đến thống nhất. Năm 1585, Hideyoshi được phong làm Kuambaku, chức vụ cao hơn cả Shōgun (Jansen, 2002), và “đã trải qua một thời kì vươn lên quyền lực không ai sánh bằng trong lịch sử Nhật Bản” (Turbull, 2002, tr. 23). Cạnh tranh quyền lực giữa các thế lực vẫn tiếp diễn và đã gây nên sự hận thù. Những chiến thắng bằng vũ lực trước các thế lực khác, chức vụ Kuambaku chưa từng có trong tiền lệ, và vũ khí hiện đại do tiếp thu kỹ thuật từ người phương Tây, đã khiến Hideyoshi kiêu ngạo và tham lam. Hận thù, kiêu ngạo và lòng tham đã khiến Hideyoshi suy nghĩ cực đoan. Keegan (1993) gọi đó là Chủ nghĩa Sô-vanh (Chauvinism) và cho rằng nó đã thúc đẩy thế lực Mạc Phủ do Hideyoshi đứng đầu phát động tấn công Triều Tiên để

mở đường chinh phục Trung Hoa với tham vọng đưa Nhật Bản trở thành bá quyền khu vực. Thậm chí, Hideyoshi tin rằng chỉ trong hai năm là chinh phục xong Trung Hoa, đưa Nhật Bản trở thành bá quyền khu vực (Brinkley, 1993). Cơ hội trở nên rõ nét hơn khi từ năm 1582, Hoàng đế Thần Tông nhà Minh đã bỏ mặc triều chính, ham mê sắc dục, trọng dụng gian thần, từ đó dẫn đến đấu đá nội bộ, người dân lưu lạc tha phương, chính trị hỗn loạn (An Zhen, 2000), còn Triều Tiên bị chia rẽ bởi các bè phái và do được hưởng hòa bình đã lâu nên quân đội lạc hậu và không sẵn sàng chiến đấu (Turbull, 2002). Cơ hội và sự tự tin vào sức mạnh quân sự đã thôi thúc Hideyoshi chọn tấn công Triều Tiên để mở màn chiến dịch chinh phục Trung Hoa. Năm 1592, quân đội Nhật Bản tấn công Triều Tiên, tháng 7 “tiến vào kinh đô Hangul, đốt phá mồ mã, bắt Vương tử và quan lại, cướp phá kho phủ, bắt đạo gần như diệt vong, chẳng mấy chốc sẽ vượt sông Áp Lục” (Xu, 2004h, tr. 6681). Dưới sự trợ giúp của nhà Minh Trung Quốc và sự chống trả quyết liệt của quân đội Triều Tiên, quân đội Nhật Bản đã phải nghị hòa và rút phần lớn quân về nước. Năm 1597, quân đội Nhật Bản tấn công bán đảo Triều Tiên lần thứ 2, “hàng nghìn chiến thuyền quân Nhật cập bến Busan, giết chết quan trấn thủ quận của Triều Tiên, dần dần áp sát Yangsan và Hanseong” (Xu, 2004h, tr. 6685). Sau đó quân Nhật gặp khó khăn trước sự chống trả của liên quân Minh-Triều Tiên. Năm 1598, Hideyoshi chết khi giấc mộng bá quyền còn đang dang dở, quân Nhật buộc phải rút quân về nước. Cũng như trước đây, nhà Minh không có động thái nào với Nhật Bản. Sau cái chết của Hideyoshi, nội chiến tranh giành quyền lực lại xảy ra. Năm 1600, gia tộc Tokugawa do Ieyasu đứng đầu đã chinh phục thành công các thế lực khác. Ieyasu trở thành Shōgun, thủ lĩnh của Mạc Phủ. Tuy nhiên cạnh tranh

quyền lực vẫn diễn ra âm thầm. Trong đó đáng chú ý là cạnh tranh quyền lực giữa Mạc Phủ và Satsuma, thế lực địa phương giàu có và hùng mạnh nhất trên quần đảo Nhật Bản. Satsuma khi đó đang bị cô lập trên đất liền nên chỉ còn con đường duy nhất là tiến ra phía biển, nơi có quốc đảo hàng xóm Ryukyu - “thành tâm phụng sự Thiên triều, là Chư hầu nổi bật nhất” của nhà Minh (Xu, 2004h, tr. 6751) và đang là “một đầu mối thương mại nổi Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc với Đông Ấn” (Kerr, 1953, tr. 34). Nhận thấy sự suy yếu của nhà Minh sẽ khiến Ryukyu mất đi sự bảo trợ, để gia tăng quyền lực cho mình, Satsuma đã lập tức lên kế hoạch thôn tính Ryukyu với lí do Ryukyu đã chống lại quyền lực của Mạc Phủ như không triều cống Nobunaga và Hideyoshi, và từ chối quy thuận Ieyasu (Kerr, 1953). Trong khi đó, Ieyasu cũng cảm thấy bất an bởi sự hùng mạnh của Satsuma, vì vậy “Ieyasu vui mừng khi thấy đó là cơ hội khiến cho quân đội của Satsuma bị suy yếu mà không tốn công sức của Mạc Phủ” (Kerr, 1953, tr. 72). Năm 1609 (hoặc 1612)¹ Satsuma tấn công quốc đảo Ryukyu, chiếm thủ đô và bắt Quốc vương của Ryukyu đưa về Nhật Bản. Năm 1611, Nhật Bản thả cho Quốc vương Ryukyu về nước với điều kiện chấp nhận sự không chế của Nhật Bản (Kerr, 1953, tr. 73). Từ đó, Ryukyu “trong nước sử dụng tiền Kanei (寛永) của Nhật Bản, trong số các mặt hàng bán, tám chín phần là đưa đến Nhật Bản. Số ít cống nạp cho Trung Hoa, không phải là không cung kính phục tùng Trung Hoa, mà là do tình thế của đất nước như vậy” (Zhao, 1977, tr. 14623). Năm 1633, lo ngại trước sự ảnh hưởng từ bên ngoài, Mạc Phủ đã ban hành lệnh cấm biển (Kakin) dẫn đến hoạt động giao tiếp của người Nhật với người nước ngoài bị hạn chế. Tình hình khu vực có sự biến động lớn khi nhà Thanh thay thế nhà Minh và không ngừng lớn mạnh. Nhà Thanh

¹ Theo Kerr (1953), Murray (1894) và Henshall (2004) thì là năm 1609. Tuy nhiên, theo Xu (2004h) thì là năm 1612.

dùng vũ lực khuất phục Triều Tiên vào năm 1636, sau đó đánh chiếm Đài Loan, Mông Cổ, Tây Tạng và Tân Cương. Phạm vi bá quyền của Vương triều Trung Hoa được nhà Thanh khôi phục và mở rộng. Tuy nhiên cũng giống như trước đây, Nhật Bản đã không bị ảnh hưởng nhiều. Cuối thế 18, nhà Thanh ngày càng suy yếu trong khi chủ nghĩa thực dân phương Tây đã chuyển hướng sang châu Á. Sự hiện diện của các cường quốc phương Tây đã đe dọa trật tự và an ninh của khu vực Đông-Bắc Á. Từ năm 1840 các cường quốc phương Tây đã dùng vũ lực buộc nhà Thanh phải nhượng bộ và kí các hiệp ước bất bình đẳng, biến Trung Quốc “từ một quốc gia phong kiến độc lập trở thành quốc gia nửa thực dân nửa phong kiến” (Wang, 2003, tr. 19). Năm 1853, Mỹ dùng sức mạnh quân sự uy hiếp buộc Nhật Bản phải mở cửa. Sau đó, tương tự như Trung Quốc và Triều Tiên, Nhật Bản cũng bị các cường quốc phương Tây (Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Hà Lan) ép buộc phải kí những hiệp ước bất bình đẳng. Đứng trước nguy cơ trở thành thuộc địa của các cường quốc phương Tây, Nhật Bản đã tiến hành một cuộc cải cách chính trị gọi là Duy tân Minh Trị. Sau cải cách, Mạc Phủ bị xóa bỏ để nhường chỗ cho một chính phủ mới với Thiên hoàng là trung tâm. Tuy nhiên Thiên hoàng không có quyền lực trên thực tế vì “nhiều tướng lĩnh của Mạc Phủ Tokugawa đã trở thành những nhân vật chủ chốt trong Chính phủ Minh Trị” (Ravina, 2017, tr. 84). Quyền lực của các cường quốc phương Tây đã khuất phục Trung Hoa, phá vỡ trật tự khu vực và mang lại những lợi ích to lớn cho các cường quốc này, và lại được truyền bá tích cực bởi những nhân vật như Fukuzawa Yukichi (1835-1901) - một nhà tư tưởng xuất thân từ tầng lớp võ sĩ Samurai đã kêu gọi tiến hành một cuộc cách mạng “Bỏ châu Á, theo châu Âu” (“Datsu-a, nyu-ô”) - không những khơi gợi ý thức dân tộc của người Nhật về độc lập, chủ quyền, tự do và thịnh vượng, như cách nói của Cullen (2003, tr. 205) là chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản theo nghĩa hiện đại đã thực sự

ra đời trong thời kì này, mà còn đánh thức tham vọng bá quyền đối với những hậu thế của Oda Nobunaga và Hideyoshi hiện đang nắm giữ các vị trí chủ chốt trong chính phủ quân phiệt Nhật Bản.

Yamagata, Kido, Takasugi, Yamao, Inouye Kaoru, cùng với nhiều người khác, những người đã nổi tiếng từ đó, là bạn đồng môn được đào tạo trong hệ thống chính trị và quân sự của các nước phương Tây, đã cố gắng tuyệt vọng để có được thông tin hướng dẫn họ làm thế nào để xây dựng đất nước của họ sánh ngang với các cường quốc hàng đầu trên thế giới. (Morris, 1906, tr. 119)

Nhật Bản quyết định hợp tác và học hỏi các cường quốc phương Tây. Nhờ đó Nhật Bản không những tránh được bị xâm xé như Trung Quốc mà còn trở nên hùng mạnh. Tuy nhiên, sự thay đổi nền chính trị đã khiến quyền lực của Chính phủ Nhật Bản bị đe dọa bởi sự bất mãn của tầng lớp võ sỹ vốn có địa vị cao và hiếu chiến nhưng nay đã thất nghiệp và sự bất mãn của tầng lớp nông dân. Để duy trì quyền lực, chính phủ quân phiệt Nhật Bản đã viện cớ người Đài Loan giết hại người Ryukyu nên xuất quân trừng phạt Đài Loan – thuộc địa của nhà Thanh Trung Quốc từ năm 1683 (Jacobs, 2014, tr. 47-59) vào năm 1874. Nhà Thanh đã gặp đại diện của Nhật Bản để phản đối nhưng đại diện của Nhật Bản là Yanagihara Sakimitsu (1850-1894) đã trả lời rằng “người Pawan Đài Loan là người hoang dã, nên không cần phải hỏi Trung Quốc” (Zhao, 1977, tr. 4624). Tuy nhiên sau đó Nhật Bản đã đưa ra yêu sách cho việc rút quân. Sau nhiều thương lượng, cuối cùng nhà Thanh chấp nhận “đền bù thiệt hại về người 10 vạn (lạng Bạc), bồi thường thêm 40 vạn (lạng Bạc) phí làm đường xây nhà... cho dựng bia trước mộ những người bị giết hại và cho phép người Nhật sau này được lên bờ tảo mộ” (Zhao, 1977, tr. 4624). “Tất cả các biện pháp này sẽ chẳng khác gì với việc mở rộng sự kiểm soát của Nhật Bản vào một khu vực gắn với Đài Loan và Trung

Quốc đại lục” (Akira Iriye, 1989, tr. 743-4). Trong khi nhà Thanh ngày càng suy yếu và bị xâu xé bởi các cường quốc phương Tây, thì Nhật Bản lại ngày càng lớn mạnh. Cục diện khu vực hỗn loạn mà trong đó kẻ có sức mạnh quân sự có thể tùy tiện ức hiếp người yếu đã mở ra cơ hội gia tăng quyền lực cho chính phủ quân phiệt Nhật Bản. Thắng lợi trong sự kiện Đài Loan và sự vượt trội về sức mạnh quân sự trước nhà Thanh và Triều Tiên đã thôi thúc Nhật Bản cần phải nhanh chóng hành động trước khi cơ hội rơi vào tay người khác để rồi mình bị đẩy vào thế bị đe dọa. Năm 1875, Nhật Bản cho chiến hạm tiến vào bắn phá đảo Ganghwa và đóng quân tại Busan. Sau đó, Nhật Bản cử Kuroda Kiyotaka (1840-1900) và Inoue Kaoru (1836-1915) đến Triều Tiên ép buộc đàm phán thỏa hiệp. Điều ước giữa Nhật Bản và Triều Tiên có tên là Điều ước đảo Ganghwa (Treaty of Ganghwa Island), được kí vào ngày 26 tháng 2 năm 1876 (Rhee, 1922, tr. 13). “Điều ước quy định rằng Vương quốc (Triều Tiên) là ‘một quốc gia độc lập’, do đó chấm dứt mối quan hệ triều cống với Vương triều Trung Hoa” (Akira Iriye, 1989, tr. 746). Do hiệp ước này đe dọa nghiêm trọng đến an ninh và quyền lực của nhà Thanh nên nhà Thanh đã cử quân đội đến để bảo vệ quyền lực và hàng rào an ninh của mình. Ngày 4 tháng 4 năm 1879, Nhật Bản tuyên bố xóa bỏ quốc đảo Ryukyu và sáp nhập vào Nhật Bản thành huyện Okinawa (沖縄県). Vua và Thái tử của Ryukyu bị đưa đến Nhật Bản. “Tổng lí nha môn (nhà Thanh) chất vấn Nhật Bản tại sao lại thôn tính Chư hầu của nhà Thanh, người Nhật không trả lời.” (Zhao, 1977, tr. 14624). Nhà Thanh gia tăng sức ép với Nhật Bản bằng cách quốc tế hóa vấn đề và “đe dọa chiến tranh với Nhật Bản nếu người Nhật không rút khỏi Ryukyu” (Kerr, 1953, tr. 180). Hai bên đã có những thương thảo và đi đến thỏa thuận nhưng nhà Thanh sau đó lại thay đổi. Nhật Bản cho rằng nhà Thanh không có quyền vì vậy “không còn xem Ryukyu là vấn đề thuộc phạm vi ngoại giao nữa” (Kerr, 1953, tr. 183). Hai sự kiện

Đài Loan và Ryukyu đã giúp Nhật Bản nhận ra rằng nhà Thanh đã không còn đủ sức để chống lại Nhật Bản, và các cường quốc phương Tây cũng sẽ không gây khó khăn cho Nhật Bản. Nhật Bản nhanh chóng đi nước cờ quyết định. Năm 1894 Nhật Bản quyết định dùng vũ lực buộc nhà Thanh phải từ bỏ quyền lực đối với Chư hầu cuối cùng là Triều Tiên. Tháng 7 năm 1894 nhà Thanh thuê tàu buôn Kowshing (高陞) của Anh để chở hai tiểu đoàn quân Bắc Đường (北塘), được hộ tống bởi tàu Tsaokiang (操江), chở vũ khí chi viện cho Asan, 3 tàu dàn cánh tiến về phía Đông nhưng,

Bị đánh chặn, 3 tàu tháo chạy ra Uy Hải (威海), Tsaokiang treo cờ trắng và bị bắt đi. Hai tàu của Nhật là Yoshino (吉野) và Naniwa (浪速) dùng ngư lôi đánh chìm tàu Kowshing, hai tiểu đoàn quân thiệt mạng... (Ngày 16 tháng 8 năm 1894) quân Nhật chia thành các mũi tiến đến, dùng đại bác bắn phá, các doanh trại tan vỡ, thành trì dần bị hạ, tướng quân Bảo Quý (宝贵) hy sinh. Tướng quân Chí Viễn (志遠) dẫn quân chạy về phía Bắc... Kể từ đó trên lãnh thổ Triều Tiên không còn một binh sỹ Trung Hoa nào và công việc của Triều Tiên đã không còn có thể tham gia gì được nữa rồi. (Zhao, 1977, tr. 14614-14616)

Thời cơ hoàn thành giấc mộng bá quyền được thực thi từ thời Toyotomi Hideyoshi đã đến, sau khi thành công phá bỏ hàng rào an ninh tồn tại hơn nghìn năm của Vương triều Trung Hoa, Nhật Bản ngay lập tức tấn công vào lãnh thổ Trung Hoa. Tháng 8 năm 1894, quân Nhật sau khi thừa thắng bên bán đảo Triều Tiên đã vượt qua sông Áp Lục tấn công vào lãnh thổ Trung Hoa. Sau một loạt chiến thắng, Nhật Bản đưa ra các yêu sách và yêu cầu nhà Thanh cử đại thần đến Nhật Bản đàm phán. Tháng 3 năm 1895, Hiệp ước giữa Nhật Bản và nhà Thanh, là Hiệp ước Mã Quan hay Hiệp ước Shimonoseki (馬關條約) đã được kí.

Sau cùng đi đến 11 điều: (nhà Thanh) thừa nhận Triều Tiên độc lập, cắt Liêu Nam (遼南) và Đài Loan (臺灣) cho Nhật Bản, bồi thường (cho Nhật Bản) 200 triệu (lạng Bạc), cho phép (Nhật Bản) thông thương trong lãnh thổ (Trung Quốc), tàu thuyền (Nhật Bản) được phép đi vào các sông (của Trung Quốc), (Nhật Bản) được phép sản xuất hàng hóa (trên đất Trung Quốc), tạm thời đình chiến. (Zhao, 1977, tr. 4631)

Địa vị bá quyền khu vực của Vương triều Trung Hoa kéo dài hàng nghìn năm đã chính thức bị xóa bỏ.

Bốn yếu tố giúp Nhật Bản thành công

Trong số rất nhiều yếu tố có thể giúp cho Nhật Bản gia tăng quyền lực và thách thức thành công, bài viết đề xuất 4 yếu tố chính yếu. Trong 4 yếu tố chính yếu này có 3 yếu tố đóng vai trò là 3 nguồn lực sản sinh ra quyền lực của Nhật Bản, đó là điều kiện tự nhiên, khoa học-công nghệ và chiến lược chiến thuật, và một yếu tố đóng vai trò là nhân tố kiến tạo cơ hội giúp cho Nhật Bản sử dụng thành công các nguồn lực để từ đó gia tăng quyền lực.

Điều kiện địa lí

Vị trí biệt lập trên biển, nghèo tài nguyên, địa hình phức tạp cách trở, khí hậu khắc nghiệt tuy gây ra rất nhiều khó khăn cho người Nhật nhưng lại giúp Nhật Bản tránh được hầu hết các cuộc xâm lược từ bên ngoài. Trong lịch sử, các Vương triều Trung Hoa chủ yếu tấn công, thôn tính hoặc áp đặt sự thống trị đối với các quốc gia có chung đường biên giới trên đất liền để làm hàng rào an ninh. Điều kiện địa lí đã giúp cho Nhật Bản tránh được điều này. Các ghi chép trong sử liệu Trung Quốc như *Tam Quốc Chí*, *Tùy Thư* hay *Bắc Sử* dù có ghi chép chi tiết nhưng đến nay các nhà nghiên cứu vẫn chưa thể đi đến thống nhất được về vị trí của triều đình Yamato. Những ghi chép này đã phản ánh địa hình phức tạp của quần đảo Nhật Bản và

cũng chứng minh Vương triều Trung Hoa không thực sự quan tâm và nắm rõ địa hình quần đảo Nhật Bản nên đã không có ý định thôn tính hoặc áp đặt sự thống trị. Điều kiện địa hình còn tạo nên thế trận phòng ngự kiên cố cho Nhật Bản, như Kaneyoshi từng nói trong bức thư thách thức Hoàng đế nhà Minh phát động chiến tranh là “sông, hồ, núi, biển đều là công trình phòng ngự” (Xu, 2004h, tr. 6727). Khí hậu, đặc biệt là bão, cũng là một nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động quân sự. Thực tế chứng minh, trong lịch sử, nhà Nguyên là Vương triều Trung Hoa duy nhất tấn công Nhật Bản; khí hậu và địa hình của quần đảo Nhật Bản là nguyên nhân chính khiến quân Nguyên thất bại. Năm 1274, quân Nguyên xâm lược Nhật Bản, lúc đầu họ giành được thắng lợi do được trang bị tốt hơn. Tuy nhiên địa hình hiểm trở đã cản bước tiến của quân Nguyên. Đúng lúc đó, một cơn bão kéo đến tàn phá quân Nguyên, khiến cho “ý tưởng chinh phục Nhật Bản với một lực lượng 40.000 người đã trở thành trò cười” (Murdoch, 1949, tr. 512-3). Năm 1281, quân Nguyên lần thứ 2 chinh phạt Nhật Bản. Thời tiết lại một lần nữa trợ giúp người Nhật, “ngày 1 tháng 8, bão phá hủy tàu thuyền. Ngày 5 tháng 8, các tướng như Lu Wen Long lựa chọn thuyền tốt để tháo chạy, bỏ lại hơn 10 vạn quân dưới chân núi” (Xu, 2004g, tr. 3751). Murdoch (1949, tr. 522) dẫn lời các nhà nghiên cứu của Hàn Quốc cho biết còn có khoảng 3000 quân Nguyên bị chết vì sốt rét. Yếu tố địa lí ít nhất cũng ảnh hưởng đến tận nhà Minh khi Hoàng đế nhà Minh “dù rất tức giận nhưng cuối cùng rút kinh nghiệm bài học từ nhà Nguyên, nên đã không xuất quân” (Xu, 2004h, tr. 6727).

Trong lịch sử, quần đảo Nhật Bản chỉ bị duy nhất quân Nguyên tấn công nhưng không bị thôn tính hay bị áp đặt sự thống trị. Vì vậy, Nhật Bản ít phải chịu tổn thất do chiến tranh và luôn được hưởng độc lập và tự chủ. Điều này giúp cho người Nhật có điều kiện và thời gian để tích lũy và phát triển, đồng thời cũng khiến cho Nhật Bản dám chủ động thách thức Vương triều Trung Hoa.

Khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ luôn là yếu tố then chốt của mọi sự phát triển và Nhật Bản cũng không ngoại lệ. Thời kì Yayoi (300 trước CN-250 sau CN) “các công nghệ và kiến thức mới được giới thiệu từ Trung Quốc và Hàn Quốc” (Hiroshi & Makoto, 1976, tr. 15). Sau đó kĩ thuật nông nghiệp từ Triều Tiên du nhập vào quần đảo Nhật Bản đã giúp cho Yamato nhanh chóng giàu mạnh. Brown (1993) dẫn nghiên cứu của Tsude Hiroshi cho rằng sự phát triển trong việc sử dụng sắt để chế tạo các công cụ nông nghiệp, kỹ thuật san lấp mặt bằng và tưới tiêu ruộng cho lúa nước và mở rộng canh tác nương rẫy đã giúp cho Yamato có sự bùng nổ về tăng trưởng nông nghiệp vào nửa cuối thế kỉ thứ 3, từ đó giúp cho Vua Yamato có thể tiến hành các chiến dịch quân sự đầy tham vọng vào các vùng sâu vùng xa của đất nước và mở rộng quyền kiểm soát của họ tới nơi xa xôi như bán đảo Triều Tiên. Sau đó, sự du nhập của chữ viết, tín ngưỡng, và Nho giáo giúp cho Nhật Bản phát triển mạnh mẽ. Các cải cách chính trị theo mô hình Trung Hoa, đặc biệt là cải cách Taika - một bước ngoặt vĩ đại (Asakawa, 1903), đã giúp Yamato phát triển thành một Vương triều trung ương tập quyền hùng mạnh. Điều này đã khiến Vương triều Nhật Bản dám và có khả năng thách thức địa vị bá quyền của Vương triều Trung Hoa. Tuy nhiên, sự thất bại của quân đội Nhật Bản trước quân đội nhà Đường đã cho thấy sự thua kém về khoa học công nghệ của Nhật Bản. Chỉ khi Nhật Bản có được công nghệ phương Tây thì sự thách thức của Nhật Bản mới có sự thay đổi nhảy vọt về chất. Từ giữa thế kỉ 16 sau CN, Nhật Bản bắt đầu tiếp thu thành tựu khoa học công nghệ của phương Tây (Brinkley, 1893). Vì vậy Nobunaga và Hideyoshi không chỉ chiến thắng các thế lực trong nước mà còn lên kế hoạch chinh phục cả Trung Hoa. Dù không thành nhưng nó cũng khiến cho Trung Hoa và Triều Tiên thiệt hại và khiếp sợ. Càng về sau, ảnh hưởng của khoa học công nghệ của phương Tây càng lớn, đặc biệt là từ năm 1853 khi 4 chiến

hạm của hải quân Mỹ do Matthew Calbraith Perry chỉ huy đã tiến vào lãnh thổ Nhật Bản. “Chuyến thăm của ông có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các vấn đề đối nội của đất nước” (Brinkley, 1983, tr. 347). Chính phủ quân phiệt buộc phải mở cửa với người phương Tây. Thời kì này Nhật Bản đã nhận thức được tầm quan trọng của khoa học công nghệ phương Tây (Cranston, 1993) vì vậy họ đã thực thi cuộc cách mạng với trọng tâm là khoa học công nghệ của phương Tây, “chương trình nghị sự mang tính cách mạng của Minh Trị trong những năm 1870 đã lấy cảm hứng từ sự tò mò nhiệt thành về công nghệ và ý tưởng Âu-Mỹ” (Gordon, 2003, tr. 73), nhằm tạo nên một sự thay đổi lớn cho Nhật Bản. Khoa học công nghệ phương Tây du nhập và được ứng dụng tại Nhật Bản thông qua hai kênh. Kênh thứ nhất là mời các nhà khoa học và chuyên gia phương Tây đến làm việc. Theo Gordon (2003, tr. 72) “với sự đầu tư kinh phí rất lớn vào những năm 1870, Chính phủ Nhật Bản đã thu hút được nhiều người nước ngoài đến từ hơn 20 quốc gia. Những kỹ thuật viên và chuyên gia này đã đưa ra những lời khuyên quan trọng trong nhiều nỗ lực kinh tế và xã hội. Kênh thứ hai là cử các đoàn cán bộ và du học sinh đến các nước phát triển ở phương Tây để quan sát và học hỏi. Trong đó đáng chú ý là những người được cử đi học hay tham quan khảo sát hoặc là nhân vật quyền lực hoặc là sau khi về nước trở thành nhân vật quyền lực.

Trong những năm 1860, cả Satsuma và Chōshū, cũng như Mạc Phủ đều gửi sinh viên sang du học ở châu Âu... Nhưng chuyến đi quan trọng nhất ra nước ngoài là chuyến đi sứ mệnh Iwakura năm 1871-73. Vài chục người, bao gồm một số nhân vật quyền lực nhất trong chính phủ mới (Iwakura Tomomi, Ōkubo, Kido và Itō) đã dành mười tám tháng để đi du lịch qua Hoa Kỳ và châu Âu. (Gordon, 2003, tr. 72)

Khoa học kỹ thuật phương Tây đã tạo nên sự phát triển đột phá trong các lĩnh

vực then chốt của Nhật Bản như chính trị, kinh tế, văn hóa và giáo dục. Nhật Bản cảm thấy lo sợ khi Anh đánh bại Trung Quốc, tiếp theo là việc gia hạn các hiệp ước bất bình đẳng đối với Nhật Bản sau sự đánh giá của Matthew Perry và Townsend Harris. Người Nhật cảm thấy mình đang phải đối mặt với một mối đe dọa quân sự và kết luận rằng nếu họ muốn bước vào đấu trường được gọi là gia đình của các quốc gia, họ cũng phải trang bị cho mình vũ khí mà các cường quốc phương Tây sở hữu... Mối quan tâm của họ đã chuyển sang vũ khí và quân sự của phương Tây (Hirakawa Sukehiro, 1989, tr. 466-467). Sau khi ứng dụng khoa học công nghệ quân sự phương Tây, quân đội Nhật Bản đã có sức mạnh vượt trội so với quân đội Trung Hoa và Triều Tiên. Kết quả là quân đội Nhật Bản không chỉ tấn công Triều Tiên mà còn cả lãnh thổ Trung Hoa và liên tiếp giành thắng lợi, từ đó xóa bỏ địa vị bá quyền của nhà Thanh.

Chiến lược và chiến thuật

Chiến lược và ứng với nó là các chiến thuật phù hợp là yếu tố rất quan trọng giúp cho Nhật Bản thành công. Chiến lược này có thể chia thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn đầu (trước thế kỉ thứ 6 sau CN), Yamato tìm kiếm quyền lực để đảm bảo an ninh, tồn tại và nâng cao địa vị chứ chưa có ý định cạnh tranh bá quyền với Vương triều Trung Hoa. Đây là chiến lược phù hợp vì giai đoạn này người Nhật chưa có một nhà nước trung ương tập quyền như Vương triều Trung Hoa. Yamato không những còn kém xa so với Vương triều Trung Hoa mà còn phải đề phòng các thế lực khác trên quần đảo. Vì vậy, Yamato đã tiến hành khống chế các quốc gia trên bán đảo Triều Tiên nhưng tránh tạo ra mối đe dọa đối với Vương triều Trung Hoa. Sau khi khống chế thành công, Yamato đã tiến hành triều cống và xin sắc phong để được bá quyền Trung Hoa thừa nhận, do đó đã “hợp pháp hóa” thành công quyền lực của mình.

Giai đoạn hai (từ thế kỉ thứ 7 đến khoảng giữa thế kỉ 16), Yamato phát triển

nhANH chóng và trở thành Vương triều trung ương tập quyền hùng mạnh. Từ cuối thế kỉ 12, một chính phủ quân phiệt hiếu chiến Mạc Phủ ra đời khống chế Nhật Bản. Vì vậy chiến lược của Nhật Bản đã được nâng cấp lên thành tìm kiếm quyền lực để nâng cao địa vị cạnh tranh với Vương triều Trung Hoa. Dù vậy, ý thức được sự thua kém so với Trung Hoa nên Nhật Bản chỉ có những thách thức bằng ngôn từ và nỗ lực bảo vệ quyền lực hiện có của mình chứ không có hành vi đi xa hơn. Dù hai bên đã có lúc bất hòa, thậm chí đối đầu quân sự, song để đảm bảo lợi ích, Nhật Bản thường dùng chiến thuật hòa giải thông qua triều cống.

Giai đoạn ba (khoảng từ cuối thế kỉ 16 đến năm 1895), trong khi cả Trung Hoa và Triều Tiên đều suy yếu và xung đột nội bộ, thì Mạc Phủ ngày càng hùng mạnh, nên chiến lược tiếp tục được nâng cấp thành tìm kiếm quyền lực để trở thành bá quyền. Nhân vật mở màn cho chiến lược này là Nobunaga và sau đó là người kế thừa Hideyoshi.

Trên thực tế, tuyên bố đáng tin cậy sớm nhất về ý định như vậy không phải đến từ Hideyoshi mà từ chính Nobunaga, người đang dần chinh phục Nhật Bản và cũng bày tỏ mục đích khuất phục Trung Quốc. Điều này xảy ra không lâu trước khi ông bị sát hại, vào năm 1582. (Turbull, 2002, tr. 30)

Tuy nhiên Mạc Phủ cũng không mạo hiểm tấn công trực tiếp vào lãnh thổ Trung Hoa mà sử dụng chiến thuật trước tiên tấn công hàng rào bảo vệ an ninh của Trung Hoa – đó là bán đảo Triều Tiên. Mạc Phủ tuy thất bại nhưng cũng khiến cho nhà Minh và Triều Tiên chịu tổn thất và khiếp sợ. Sau đó, thế lực địa phương Satsuma đã thừa cơ nhà Minh suy yếu tấn công, khống chế quốc đảo Ryukyu. Dù vậy, Mạc Phủ vẫn để cho Ryukyu triều cống Vương triều Trung Hoa. Chiến lược bá quyền chỉ thực sự có chuyển biến lớn và đi đến thành công kể từ cuối thế kỉ 19. Cuối thế kỉ 19, Nhật Bản trước tiên sử

dụng chiến thuật hợp tác với các cường quốc phương Tây để tránh bị xâm xé và có cơ hội tiếp thu các thành tựu của các cường quốc này, từ đó hiện thực hóa chiến lược “nước giàu, quân mạnh” (Fukoku kyōhei). Điều đáng chú ý là để đạt được mục đích, Nhật Bản chấp nhận trả giá đắt cho việc mời các chuyên gia phương Tây.

Số liệu ngân sách được tiết lộ: tại một số thời điểm, lương của người nước ngoài chiếm 1/3 ngân sách thường xuyên của Bộ Công nghiệp và 1/3 ngân sách phân bổ cho Đại học Hoàng gia Tokyo, trường đại học hiện đại đầu tiên được thành lập ở Nhật Bản. Lương cho người nước ngoài rõ ràng đã đặt ra những áp lực rất lớn đối với ngân sách của tất cả các bộ và cơ quan chính phủ. (Hirakawa Sukehiro, 1989, tr. 469)

Sau khi tiềm lực kinh tế và quân sự gia tăng mạnh mẽ, Nhật Bản mới gia tăng các hành vi tìm kiếm quyền lực để trở thành bá quyền khu vực như thôn tính quốc đảo Ryukyu, khuất phục Triều Tiên, ép buộc Thiên tử Trung Hoa chấp nhận yêu sách.

Nhờ chiến thuật hợp tác với các cường quốc phương Tây và chiến lược “nước giàu, quân mạnh” nên Nhật Bản vừa có đủ sức mạnh vừa tránh được sự ngáng trở lớn đến từ các cường quốc phương Tây khi xóa bỏ địa vị bá quyền của Vương triều Trung Hoa.

Sự suy yếu của các Vương triều Trung Hoa

Các Vương triều Trung Hoa từ Vương triều đầu tiên (triều Hạ) cho đến Vương triều cuối cùng (triều Thanh) đều trải qua 3 giai đoạn chính gồm (1) hình thành và phát triển; (2) phát triển đạt đỉnh và xuất hiện xung đột; và (3) xung đột đạt đỉnh dẫn đến suy tàn và diệt vong. Sự thành công của Nhật Bản đều diễn ra ở giai đoạn 3. Giai đoạn này có đặc điểm chính là sự suy yếu của Vương triều Trung Hoa đã dẫn đến khoảng trống quyền lực. Giai đoạn 220-589 sau CN, Trung

Quốc chủ yếu rơi vào tình trạng xung đột, chia cắt và suy yếu, từ đó tạo ra khoảng trống quyền lực trong khu vực. Đây là cơ hội cho Yamato gia tăng và duy trì quyền lực. Thế kỉ thứ 7, nhà Tùy tuy mạnh nhưng phải đối mặt với thách thức nguy hiểm hơn đến từ Cao Câu Ly và Đột Quyết nên Nhật Bản dám thách thức và đã không bị đáp trả. Cuối thế kỉ 13, quân đội Mông Cổ dù rất mạnh nhưng mâu thuẫn trong nội bộ giữa một bên là người Mông Cổ với một bên là người Hán và người Triều Tiên bị ép buộc tham gia chiến tranh đã khiến sức chiến đấu của quân Mông Cổ bị suy yếu. Sự suy yếu này đã góp phần giúp Nhật Bản dám thách thức và giành thắng lợi trước quân đội Mông Cổ. Thời kì đầu, nhà Minh do vừa thành lập nên chưa mạnh và phải đối mặt với nhiều mâu thuẫn. Đây là một trong những nguyên nhân khiến Kyūshū, lúc đó chỉ là một thế lực trên quần đảo Nhật Bản, dám thách thức nhà Minh mà không bị trừng phạt. “Từ thời kì giữa... các Hoàng đế đa phần ăn chơi hưởng lạc... hoạn quan chuyên quyền... mâu thuẫn xã hội gia tăng, nội bộ các thế lực quan lại đấu đá nhau ngày một quyết liệt, sự cai trị của nhà Minh càng thêm suy yếu” (Liao, 1995, tr. 2-3). Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến Nobunaga và Hideyoshi dám chinh phục Trung Hoa. Tuy không thành công nhưng thế lực Satsuma cũng đã không chế được quốc đảo Ryukyu trước sự bất lực của nhà Minh. Tiếp theo nhà Minh là nhà Thanh. Thế kỉ 19, xung đột nội bộ khiến nhà Thanh ngày càng suy yếu, cuối cùng dẫn đến bị các cường quốc phương Tây xâm xé. Sau đó, xung đột nội bộ tiếp tục gia tăng khiến nhà Thanh càng suy yếu hơn. Sự suy yếu này đã biến nhà Thanh trở thành quốc gia to xác và vì thế bị Nhật Bản ức hiếp (Cheng, 2004, tr. 50-53).

Kết luận

Sự thách thức của Nhật Bản đối với Vương triều Trung Hoa bắt đầu từ thế kỉ thứ 3 sau CN cho đến khi xóa bỏ địa vị bá quyền khu vực Đông-Bắc Á của Vương triều Trung

Hoa vào năm 1895. Sự thách thức này có nguyên nhân là hành vi tìm kiếm quyền lực để đạt được và gia tăng lợi ích của các cá nhân lãnh đạo, các nhóm chính trị, và nhà nước Nhật Bản. Sự thách thức của Nhật Bản tại mỗi thời kỳ lại có hình thức và mục tiêu khác nhau. Nhờ vào nhiều yếu tố khác nhau, trong đó nổi bật là điều kiện địa lí, khoa học công nghệ, chiến lược và chiến thuật, và cơ hội có được từ sự suy yếu của các Vương triều Trung Hoa, Nhật Bản đã không ngừng nâng cấp mục tiêu và thay đổi hình thức thách thức, cuối cùng đã đạt được mục tiêu xóa bỏ địa vị bá quyền của Vương triều Trung Hoa.

Bài viết này chỉ được xem là một trong số những sự giải thích cho hành vi thách thức của Nhật Bản đối với Vương triều Trung Hoa. Các giải thích khác từ các góc độ khác nhau, đặc biệt là từ hai góc độ văn hóa và xã hội rất cần được xem xét khi nghiên cứu về quan hệ Nhật Bản-Trung Quốc trong quá khứ. Về mặt lí thuyết, dù hiện tại không có một lí thuyết nào có thể giúp đưa ra một sự giải thích hoàn hảo cho hành vi thách thức của Nhật Bản, việc áp dụng lí thuyết về quyền lực của các nhà Hiện thực tuy có những hợp lí nhưng lại loại bỏ đi nhiều yếu tố khác ngoài quyền lực, đặc biệt là nhận thức, từ đó có thể khiến cho người đọc cảm thấy khiên cưỡng. Vì vậy, bài viết cho rằng, các nhà Hiện thực sẽ phải tiếp tục nghiên cứu và bổ sung để hoàn thiện lí thuyết của mình. Trong đó cần phải xét đến sự tác động của các điều kiện cụ thể của hệ thống quốc tế (hoặc khu vực) và bên trong các chủ thể tại những thời điểm khác nhau đối với nhận thức của các chủ thể như thế nào để từ đó đưa ra lời giải thích có cơ sở hơn đối với sự hình thành lợi ích và sự lựa chọn hành vi của các chủ thể. Về thực tiễn, nghiên cứu sự thách thức của Nhật Bản đối với Trung Quốc nói riêng, quan hệ Nhật Bản-Trung Quốc trong quá khứ nói chung, cần phải gắn chặt với các yếu tố như văn hóa, xã hội, hệ thống chính trị... của hai nước. Việc áp dụng lí thuyết của các nhà Hiện thực đã khiến bài

viết chủ yếu gắn với yếu tố hệ thống chính trị nên có những hạn chế nhất định. Một điểm hạn chế nữa của bài viết cũng cần được chỉ ra là do không biết tiếng Nhật nên tác giả không thể tham khảo sử liệu của Nhật Bản được viết bằng tiếng Nhật mà phải dựa vào bản dịch tiếng Anh, dù bản tiếng Anh do các nhà xuất bản uy tín thế giới xuất bản nhưng cũng khó tránh sự cố chuyển ngữ; điều đó khiến cho bài viết có thể chưa đạt được độ chính xác cao.

Tài liệu tham khảo

- An, Zh. (2000). *Mingchao*. Changchun chubanshe.
- Asakawa, K. (1903). *The early institutional life of Japan: A study in the reform of 645*. Waseda University.
- Asakawa, K. (1963). *The early institutional life of Japan: A study in the reform of 645*. Paragon Press.
- Aston, G. W. (1896). *Nihongi, chronicles of Japan from the earliest time to A.D. 697* (Vol. 1). Kegan Paul, Trench, Trubner & Co., Limited.
- Brinkley, F. (1893). *The history of the empire of Japan*. Dai Nippon Tosho Kabushiki Kwaisha.
- Brown, D. M. (1993). The Yamato kingdom. In D. M. Brown (Ed.), *The Cambridge history of Japan: Ancient Japan* (Vol. 1, pp. 108-162). Cambridge University Press.
- Buruma, I. (2013, December 15). *East Asia's sins of the fathers*. Project Syndicate. <https://www.project-syndicate.org/commentary/ian-buruma-examines-the-family-history-behind-the-regions-territorial-disputes?barrier=accesspaylog>
- Cheng, W. M. (2004). Jia Wu zhanzheng Zhongguo shibai de yuanyin he jiaoxun. *Xiangtan shifan xueyuan xuebao*, 26(6), 50-53.
- Cranston, E. A. (1993). Asuka and Nara culture: Literacy, literature, and music. In D. M. Brown (Ed.), *The Cambridge history of Japan: Ancient Japan* (Vol. 1, pp. 453-503). Cambridge University Press.
- Cullen, L. M. (2003). *A history of Japan, 1582-194: Internal and external worlds*. Oxford University Press.
- Foxnews (2015, December 2015). *Japan defense report stresses China's threat as Tokyo pushes to give its military greater role*. <http://www.foxnews.com/world/2015-07/20/japan-defense-report-stresses-china->

- [threat-as-tokyo-pushes-to-give-its-military.html](#)
- Gale, A. (2017, December 20). *Japan is building missile bases to confront rising threat from China*. The Wall Street Journal. <https://www.wsj.com/articles/japan-is-building-missile-bases-to-confront-rising-threat-from-china-1513765804>
- Gordon, A. (2003). *A modern history of Japan - From Tokugawa times to the present*. Oxford University Press.
- Henshall, K. G. (2004). *History of Japan - From Stone age to Superpower*. Palgrave Macmillan.
- Hiroshi, K., & Makoto, S. (1976). The Yayoi period. *Asian Perspectives*, 19(1), 15-26.
- Hoàng, K. N. (2011). *Quyền lực trong quan hệ quốc tế*. NXB Văn hóa-Thông tin.
- Holcombe, C. (2001). *The genesis of East Asia, 221 B.C.-A.D. 907*. University of Hawaii Press.
- Huang, Ch. Y. (1998). *Zhongguo lichao xingzheng guanli*. Zhongguo Renmin Daxue chubanshe.
- Iriye, A. (1989). Japan's drive to great-power status. In M. B. Jansen (Ed.), *The Cambridge history of Japan: The nineteenth century* (Vol. 5, pp. 721-782). Cambridge University Press.
- Jacobs, J. B. (2014). Taiwan's colonial experiences and the development of ethnic identities: Some hypotheses. *Taiwan in Comparative Perspective*, 5, 47-59.
- Jansen, M. B. (2002). *The making of Modern Japan*. The Belknap Press of Harvard University Press.
- Japan Ministry of Defense. (2018). *Defense of Japan 2018* [White paper]. https://warp.da.ndl.go.jp/info:ndljp/pid/11591426/www.mod.go.jp/e/publ/w_paper/2018.html
- Kang, D. C. (2010). *East Asia before the west: Five centuries of trade and tribute*. Columbia University Press.
- Keegan, J. (1993). *A history of warfare*. Vintage Books.
- Kerr, G. H. (1953). *Ryukyu kingdom and province before 1945*. The Pacific Science Board, National Academy of Sciences, National Research Council.
- Koike, Y. (2015, June 24). *Japan stands up*. Project Syndicate. <https://www.project-syndicate.org/commentary/japan-new-foreign-policy-by-yuriko-koike-2015-06?barrier=accesspaylog>
- Kojo, H. (2018, March 2019). *Japan deploys missile batteries, troops close to Senkaku Islands*. The Asahi Shimbun. <http://www.asahi.com/ajw/articles/AJ201903260044.html>
- Kyodo (2016, July 26). *Japan presses China to accept South China Sea court ruling*. The Japan Times. <https://www.japantimes.co.jp/news/2016/07/26/national/politics-diplomacy/japan-presses-china-accept-south-china-sea-court-ruling/#.W8a843szbIV>
- Lendon, B. (2018, October 16). *Why you're seeing more of Japan's military*. CNN. <https://edition.cnn.com/2018/10/15/asia/japan-military-visibility-intl/index.html>
- Liao, X. Y. (1995). *Zhongguo xiaoshitong: Mingchao*. Zhongguo Qingnian chubanshe.
- Lowy Institute. (2021). *Lowy Institute Asia power index. 2021 edition*. <https://power.lowyinstitute.org/>
- Mearsheimer, J. (2013). *Structural realism in international relations theories discipline and diversity*. Oxford University Press.
- Milner, H. V. (2009). *Power, interdependence, and nonstate actors in world politics: Research frontiers in power, interdependence, and nonstate actors in world politics*. Princeton University Press.
- Mogato, M., & Birsel, R. (2016, August 18). *Philippines gets first coastguard boat from Japan to boost security*. Reuters. <https://www.reuters.com/article/us-southchinasea-philippines-japan/philippines-gets-first-coastguard-boat-from-japan-to-boost-security-idUSKCN10T11V>
- Morgenthau, H. J. (1949). *Politics among nations - The struggle for power and peace*. Alfred A. Knopf.
- Morris, J. (1906). *Makers of Japan*. Methuen & Co.
- Murdoch, J. (1949). *A history of Japan: Volume 1*. Routledge & Kegan Paul. Ltd.
- Murray, D. (1894). *Japan*. G.P. Putnam's sons.
- Nye, J. S. Jr. (2004). *Soft power: The means to success in world politics*. Public Affairs.
- Panda, R. (2014). Japan's Defense White Paper 2014 and coping with the China 'threat'. In P. Gorjão (Ed.), *IPRIS Viewpoints*. Portuguese Institute of International Relations and Security. <http://www.ipris.org/?page=pub&id=C>
- Ravina, M. (2017). *Japan's Meiji restoration in world history*. Oxford University Press.

- Rhee, S. (1922). *Korea's appeal to the conference on limitation of armament*. U.S. Government Printing Office.
- Seth, M. J. (2011). *A history of Korea: From antiquity to the present*. Rowman & Littlefield, Inc.
- Srinivas, M. (2015). *What Japan's defense policy revision means*. DW. <https://www.dw.com/en/what-japans-defense-policy-revision-means/a-18589489>
- Sukehiro, H. (1989). Japan's turn to the west. In M. B. Jansen (Ed.), *The Cambridge history of Japan: The nineteenth century* (Vol. 5, pp. 432-498). Cambridge University Press.
- Sun, Y. (2015, September 21). *China's preferred world order: What does China want?* Pacific Forum CSIS. <https://www.pacforum.org/sites/default/files/tmp/Pac1562.pdf>
- Turbull, S. (2002). *Sumurai invasion Japan's Korean war 1592-98*. Cassell & Co.
- Wang, Sh. H. (2003). *Zhongguo gaikuang*. Beijing Daxue chubanshe.
- Weems, C. N. (1905). *Hulbert history of Korea*. Routledge & Kegan Paul.
- White, T. (1895). *The war in the East: Japan, China, and Corea*. Monarch.
- Wohlforth, W. C. (2008). Realism. In C. Reus-Smit & D. Snidal (Eds.), *The Oxford handbook of international relations* (pp. 131-150). Oxford University Press.
- Xu, J. L. (2004a). *Er shi si shi quan yi: Han Shu*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Xu, J. L. (2004b). *Er shi si shi quan yi: Hou Han Shu*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Xu, J. L. (2004c). *Er shi si shi quan yi: Sanguo Zhi*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Xu, J. L. (2004d). *Er shi si shi quan yi: Song Shu*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Xu, J. L. (2004e). *Er shi si shi quan yi: Sui Shu*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Xu, J. L. (2004f). *Er shi si shi quan yi: Jiu Tang Shu*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Xu, J. L. (2004g). *Er shi si shi quan yi: Yuan Shi*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Xu, J. L. (2004h). *Er shi si shi quan yi: Ming Shi*. Hanyu Dacidian Chubanshe.
- Zhao, E. X. (1977). *Qingshi gao*. Zhonghua Shuju.

JAPANESE CHALLENGE TO THE HEGEMONY OF CHINESE DYNASTIES: A VIEW FROM THE POWER DISCOURSE OF REALISM

Nguyen Ngoc Anh

*VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam*

Abstract: The article attempts to use Realism's power discourse to explain the cause and success when Japan challenged the hegemony of Chinese dynasties. The results show that from the 2nd century B.C.E. to the end of the 19th century C.E., successive Chinese dynasties were the hegemon in Northeast Asia. However, Chinese dynasties also always faced challenges from other countries in the region. From the 3rd century C.E., Japanese challenge against Chinese dynasties began, from indirectly to directly, and then increased in intensity and variety in form. By the end of the 19th century, Japan had successfully abolished the hegemony of the Chinese dynasty Qing in the region. The reason Japan challenged Chinese dynasties was to seek power to advance the interests of individuals, political groups, and the nation. There were many different factors that helped Japan succeed. The article proposes geographical conditions, science and technology, strategy and tactics, and the decline of Chinese dynasties as four main factors that helped Japan successfully posed its challenge to Chinese dynasties.

Keywords: Japan-China relations, Chinese dynasty, challenge, hegemony, power discourse